

Thâm hụt thương mại, một thách thức kinh tế vĩ mô đối với Việt Nam

TS. NGÔ THỊ NGỌC HUYỀN

Nền kinh tế VN đã có những bước phát triển khá ấn tượng trong những năm đầu của thế kỷ này. Tốc độ tăng GDP bình quân 7,6%/năm cho giai đoạn 2000-2006 và đạt mức tăng trưởng 8,6% năm 2007. Tăng trưởng xuất khẩu bình quân 17%/năm đã đóng vai trò quan trọng để duy trì mức tăng trưởng kinh tế cao này. Tuy nhiên, những năm gần đây mức thâm hụt mậu dịch của VN ngày càng gia tăng. Đặc biệt, 3 tháng đầu năm 2008, mức thâm hụt mậu dịch đã đạt 7 tỷ USD, bằng khoảng 50% mức nhập siêu năm 2007 (theo số liệu thống kê của Bộ Công thương). Dấu hiệu này cho thấy nền kinh tế VN đang đối mặt với những nguy cơ bất ổn. Những phân tích sau đây nhằm giải thích sâu hơn bản chất của vấn đề và đề xuất những giải pháp điều chỉnh.

Tình hình xuất khẩu của VN thời gian qua

Bảng 1: Kim ngạch xuất nhập khẩu của VN qua các năm

Năm	Xuất khẩu (triệu USD)	Nhập khẩu (triệu USD)
2001	15029,2	16217,9
2002	16706,1	19745,6
2003	20149,3	25255,8
2004	26485,0	31968,8
2005	32447,0	36761,1
2006	39826,2	44891,1

Nguồn: Tổng cục Thống kê VN

Bảng 1 và 2 cho thấy tổng kim ngạch xuất khẩu của VN đã gia tăng nhanh chóng trong những năm qua từ 2,4 tỷ năm 1990 lên 5,4 tỷ USD năm 1995, gần 14,5 tỷ USD năm 2000, lên gần 32,5 tỷ USD năm 2005 và năm 2007 đạt 48,56 tỷ USD, tăng 21,9% so với năm 2006. Trong đó, xuất khẩu vào thị trường Mỹ gần 7,83 tỷ USD, tăng 35%, thị trường EU, tăng 30%, thị trường Nhật trên 5 tỷ USD, tăng 19% so với năm 2006. Năm 2007, có các mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD là dầu thô, dệt may, da giày, thủy sản, sản phẩm gỗ, điện tử và máy vi tính, cà phê, gạo...

Tuy nhiên, kim ngạch nhập khẩu cũng không ngừng gia tăng năm 2007 đạt trên 62,68 tỷ USD, tăng 39,6% so với năm 2006. Tốc độ tăng bình quân nhập khẩu 22%/năm so với mức tăng xuất khẩu là 17%/năm cho giai đoạn 2000-2006. Vì vậy mức thâm hụt mậu dịch của VN khá lớn. Cụ thể, mức thâm hụt mậu dịch năm 2007 là 14,12 tỷ USD, bằng 29% tổng kim

ngạch xuất khẩu, tăng gấp 2,5 lần so với năm 2006. Một số thị trường nhập siêu lớn là Trung Quốc 9,2 tỷ USD, Singapore 5,4 tỷ USD, Đài Loan 5,8 tỷ USD... Tình hình thâm hụt thương mại 3 tháng đầu năm 2008 cũng không hề suy giảm. Kim ngạch xuất khẩu 2 tháng đầu năm là 13 tỷ USD tăng 21% so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, kim ngạch nhập khẩu 3 tháng đầu năm là 20,5 tỷ USD, tăng 68,7% so với cùng kỳ năm 2007. Như vậy, mức nhập siêu của ba tháng đầu năm gần 7 tỷ USD bằng 53,8% kim ngạch xuất khẩu. Nếu không có biện pháp hữu hiệu thì mức nhập siêu của cả năm có thể lên đến 28 tỷ USD (vượt xa số nhập siêu như kế hoạch năm 2008 của Bộ Công thương ước tính là 17 tỷ USD).

Mức thâm hụt mậu dịch tác động như thế nào đến kinh tế vĩ mô?

Trong nhiều năm nay, chúng ta thường nghe nói nhiều đến thâm hụt thương mại của Mỹ và những cảnh báo về nguy cơ bất ổn do yếu tố này gây ra. Thâm hụt thương mại của Mỹ đã lên tới trên 721,8 tỷ USD năm 2006, và 711,6 tỷ USD năm 2007, tuy nhiên chỉ chiếm 5,7% và 5% GDP của Mỹ cùng thời kỳ. Thái Lan thời điểm trước khủng hoảng tài chính châu Á, các chỉ tiêu tài chính vĩ mô đều tốt ngoại trừ bong bóng bất động sản và thâm hụt thương mại lên tới 12% GDP. Vào thời điểm đó Thái Lan không có thâm hụt ngân sách; lạm phát dưới 3%; tăng trưởng GDP 7%. So với các chỉ tiêu của VN hiện nay thì: thâm hụt ngân sách chiếm 5,8% GDP; lạm phát 12,6%; tăng trưởng kinh tế 8,6% và thâm hụt thương mại lên tới khoảng 16% GDP. Đáng lo ngại hơn là phần lớn thâm hụt thương mại của VN được tài trợ từ các nguồn vốn ngắn hạn nước ngoài và kiều hối. Mà nguy cơ dòng vốn này đổi chiều khá lớn, đặc biệt nếu kinh tế Mỹ suy thoái và kinh tế toàn cầu suy giảm mạnh. Và nếu vậy thì rủi ro rất lớn cho nền kinh tế.

Thâm hụt thương mại lớn của VN thường có 2 nguyên nhân chính: Một là, tỷ giá hối đoái thấp (VND tăng giá) có lợi cho nhập khẩu hơn là xuất khẩu. Hai là, vốn nước ngoài vào nhiều, cung tiền tăng nhanh tạo ra cầu hàng hóa quá lớn mà cung hàng hóa nội địa không đáp ứng được phải nhập khẩu. Để làm rõ đâu là nguyên nhân chính, cần xem xét lại tỷ giá hối đoái của VN.

Tác động của tỷ giá hối đoái đến cán cân thương mại quốc tế

Kết quả phân tích về tỷ giá hối đoái danh nghĩa và tỷ giá hối đoái thực của VN năm 2007 cho thấy:

Bảng 2: Các mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu chủ yếu của VN

Mặt hàng chủ yếu	2001	2002	2003	2004	2005	2006	Ước 2007
Xuất khẩu							
Dầu thô (nghìn tấn)	16732	1687	17143	19501	17967	16419	15081
Dệt may (triệu USD)	1975	2732	3609	4430	4838	5834	7784
Giày dép (triệu USD)	1578	1875	2261	2691	3040	3592	3963
Thủy sản (triệu USD)	1816	2022	2200	2408	2739	3358	3792
Gạo (nghàn tấn)	3721	3236	3810	4063	5250	4643	4500
Cà Phê (nghàn tấn)	931	722	749	976	892	981	1194
Điện tử, máy tính (triệu USD)	709	605	855	1062	1427	1708	2178
Tiêu (nghàn tấn)	57	78	74	111	109	117	86
Điều (nghàn tấn)	44	62	82	105	109	127	153
Cao su (nghàn tấn)	308	455	432	513	587	708	719
Rau quả (triệu USD)	344	221	152	178	236	259	299
Than đá (nghàn tấn)	4292	6047	7261	11636	17987	29307	32535
Chè (nghàn tấn)	68	77	59	104	88	106	114
Gỗ và sản phẩm gỗ (triệu USD)	324	460	609	1102	1563	1933	2364
Nhập khẩu							
Máy móc thiết bị (triệu USD)	2706	3790	5409	5249	5282	6630	10376
Xăng dầu (nghàn tấn)	9083	9971	9936	11048	11477	11213	12554
NPL dệt may da (triệu USD)	1590	1711	2034	2253	2281	1952	2187
Sắt thép (nghàn tấn)	3870	4946	4623	5186	5525	5707	7705
Phân bón (nghàn tấn)	3288	3820	4135	4079	2877	3119	3793
Thuốc trừ sâu (triệu USD)	103	117	116	210	243	305	370
Hóa chất (triệu USD)	422	426	529	683	865	1012	1449
Tân dược (triệu USD)	329	350	400	410	502	548	700
Chất dẻo (triệu USD)	551	613	829	1191	1450	1866	2506
Sợi dệt (nghàn tấn)	211	265	217	215	203	341	425
Bông (nghàn tấn)	98	98	92	138	151	181	212
Ô tô (triệu USD)	433	604	838	904	1080	718	1444
Xe máy (triệu USD)	635	423	329	452	541	425	722
Điện tử, máy tính, (triệu USD)	667	649	975	1342	1707	2048	2944
Vải (triệu USD)	880	1523	1805	2067	2474	2985	3989

Nguồn: Tổng cục Thống kê VN

● Nếu lấy năm 2000 làm năm gốc thì tỷ giá VND/USD danh nghĩa tăng 13,7%, nghĩa là VND giảm giá tương ứng trong khi tỷ giá hối đoái thực (real exchange rate) giảm còn 93,9%, nghĩa là trên thực tế VND đang tăng giá so với USD khoảng 6,1%. Nguyên nhân chủ yếu là, mặc dầu tỷ giá danh

nghĩa có tăng nhưng lạm phát của VN từ năm 2004 đến nay rất cao, cao hơn nhiều so với lạm phát của Mỹ. Điều này cho thấy xuất khẩu của VN vào Mỹ đang ở thế bất lợi mặc dầu tăng về tổng kim ngạch xuất khẩu nhưng lợi nhuận đang giảm dần.

● Tuy nhiên, nếu tính cho một rổ tiền tệ gồm 19 đồng tiền (kể cả USD) tức là tính tỷ giá hối đoái thực hiệu quả (Real Effective Exchange Rate) tình hình có vẻ khác. Tỷ giá hối đoái danh nghĩa so với rổ tiền tệ tăng 20% và tỷ giá thực hiệu quả tăng 11,9%. Điều này có nghĩa là trên thực tế VND đang mất giá so với rổ tiền tệ 11,9%. Lý do là VND gắn với USD trong khi đồng tiền này mất giá mạnh so với nhiều đồng tiền khác. Ví dụ, USD từ 2002 đến nay đã mất giá so với franc Thụy Sĩ khoảng 16%, với bảng Anh khoảng 22%, với đô la Úc khoảng 25% và với Euro là trên 45%. Như vậy, nếu tính cho một rổ tiền tệ, về cơ bản tỷ giá hối đoái hiện nay đang có lợi cho xuất khẩu hơn là nhập khẩu. Kết luận này có vẻ ngược với những gì đang diễn ra, thâm hụt thương mại đang tăng lên. Điều này chỉ có thể giải thích bằng 2 cách: hoặc là xuất nhập khẩu của VN thanh toán chủ yếu bằng USD, trong đó rủi ro hối đoái hoàn toàn do phía VN gánh chịu, các công cụ phái sinh để phòng ngừa rủi ro như hợp đồng kỳ hạn (forward), hợp đồng futures, hoán đổi (Swap)... không được các doanh nghiệp xem là “vấn đề cần quan tâm”. Vì vậy độ co giãn của xuất nhập khẩu với tỷ giá hối đoái rất thấp, nhất là nguyên liệu thô và khoáng sản. Hoặc là, tiền nước ngoài chuyển vào quá lớn bao gồm đầu tư gián tiếp, đầu tư trực tiếp, ODA, kiều hối, tín dụng thương mại... đã làm tăng cung tiền và tăng nhu cầu nhập khẩu, nhất là hàng tiêu dùng, trong khi hàng rào thuế quan giảm đáng kể.

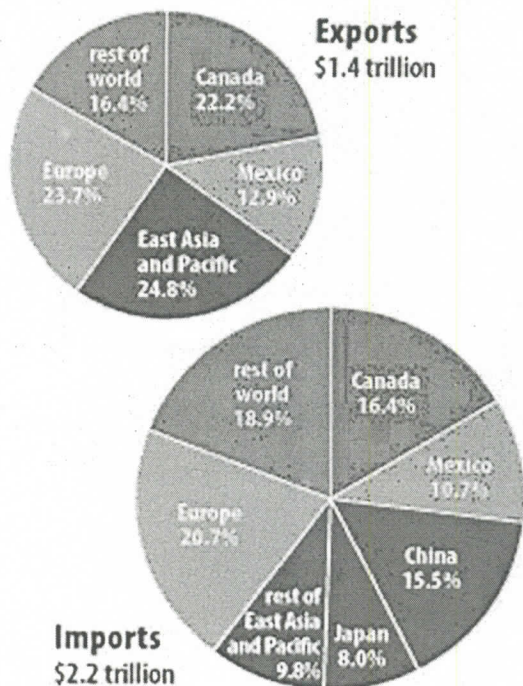
Từ những phân tích trên cho thấy việc giảm thâm hụt thương mại không thể chỉ dựa vào tỷ giá hối đoái, mà còn dựa vào các biện pháp khác như kiểm soát nhập khẩu, kiểm

soát luồng vốn vào và kiểm soát tín dụng thương mại.

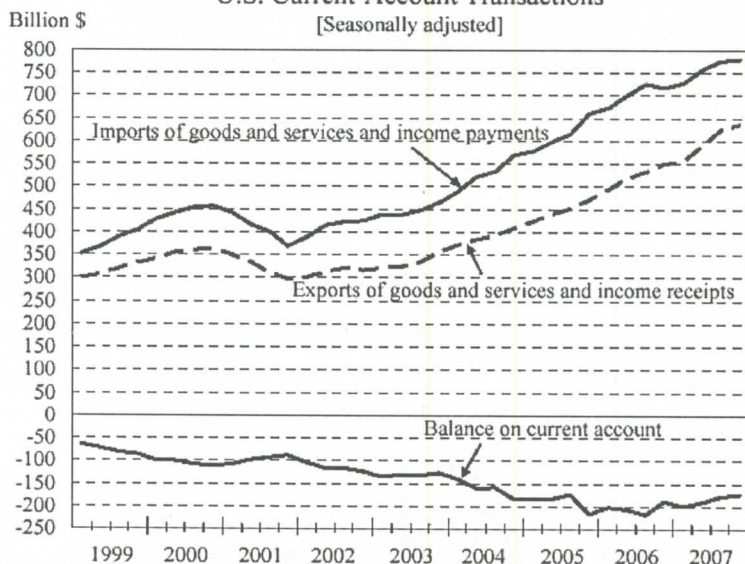
Những giải pháp đề xuất

1. Về tỷ giá hối đoái, trong điều kiện thâm hụt thương mại đang rất lớn thì việc nới lỏng biên độ tỷ giá phải cân nhắc thận trọng, tránh để cho VND tăng giá quá mức chắc chắn sẽ gây

Biểu đồ: Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Mỹ



U.S. Current-Account Transactions
[Seasonally adjusted]



Nguồn: The Economist và <http://www.bea.gov/newsreleases/national/gdp/2008/pdf/gdp407p.pdf>

tổn hại lớn cho xuất khẩu, trong khi tăng tỷ giá như vậy có lợi cho nhập khẩu. Cũng cần thấy rằng khi thắt chặt tiền tệ thì lãi suất VND sẽ tăng và VND cũng vì thế sẽ tăng giá. Biên độ tỷ giá hối đoái cũng chỉ nên coi là khung điều hành của Ngân hàng Nhà nước, nghĩa là dùng để đánh dấu hiệu can thiệp của Ngân hàng Nhà nước vào thị trường hối đoái. Đồng thời, cần cho phép tất cả ngân hàng thương mại mua – bán ngoại tệ tự do theo yêu cầu kinh doanh như mô hình thí điểm Eximbank hiện nay.

2. Giám sát chặt chẽ tín dụng thương mại, vay nợ nước ngoài để nhập khẩu hàng hóa nhất là khu vực doanh nghiệp

thương mại, kể cả các khoản tín dụng phi chính thức, cho vay mua hàng trả chậm... nhằm hạn chế các kênh nhập khẩu hàng tiêu dùng đang tăng trưởng rất nhanh hiện nay.

3. Tiến hành đánh thuế các khoản lợi tức từ vốn đầu tư gián tiếp ngắn hạn (dưới 1 năm) với mức thuế suất khác nhau theo kỳ hạn. Coi thuế suất là bộ lọc các luồng vốn tốt nhằm hạn chế đầu cơ ngắn hạn và rủi ro, tháo chạy đột ngột của luồng vốn này. Mức thuế ban đầu chỉ nên thấp vừa đủ có hiệu lực điều tiết và tăng dần trong dài hạn tùy thuộc vào diễn biến của thị trường.

4. Tăng cường các biện pháp kiểm soát nhập khẩu qua biên giới. Khối lượng hàng tiêu dùng nhập khẩu qua biên giới đã tăng lên nhanh chóng trong những năm qua. Không có số liệu chính thức về kim ngạch nhập khẩu bằng đường này, nhưng thị trường nội địa đang tràn ngập hàng nhập khẩu phi chính thức từ Trung Quốc và các nước trong khu vực, khiến cho doanh nghiệp vừa và nhỏ của VN gặp khó khăn. Kinh nghiệm của nhiều nước cho thấy đây là vấn đề rất phức tạp

nhưng nhất định phải được kiểm soát hữu hiệu. Đánh thuế ở mức vừa phải để tránh trốn thuế là phương thức tốt nhất, điều này làm tăng chi phí hàng nhập khẩu đồng thời đánh thuế kinh doanh nội địa loại hàng này, nhằm thu ngân sách và hỗ trợ sản xuất trong nước.

5. Có chiến lược tổng thể nhằm định hướng xuất khẩu vào nhóm hàng có giá trị gia tăng cao, đánh thuế xuất khẩu tài nguyên thiên nhiên, tiến tới phát triển thị trường hàng tiêu dùng nội địa như là một trong những trụ cột để tăng trưởng, thay vì tăng trưởng lệ thuộc quá lớn vào xuất khẩu và thị trường quốc tế vốn dễ bị tổn thương như hiện nay ■

Tài liệu tham khảo

1. Bureau of Economic Analysis - US Department of Commerce, March 17, 2008, <http://www.commerce.gov/>
2. Trang web về dữ liệu xuất nhập khẩu của Mỹ <http://www.census.gov/foreign-trade/statistics/historical/index.html>
3. <http://www.smarteconomist.com>
4. <http://www.mindfully.org/Reform/2006/Trade-Deficit-Record10feb06.htm>
5. <http://www.bea.gov>
6. <http://www.madeinusanews.com/content/view/268/98/>
7. www.mpi.org.vn
8. <http://www.sbv.gov.vn/vn/CdeCSTT-TD/cdeCstt.jsp>
9. <http://www.tinhuongmai.vn>
10. <http://vneconomy.vn>